

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non
của Trường Đại học Vinh

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 23 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 06 chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 23 ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Vinh. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Vinh đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Vinh sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47 tiêu chí chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Vinh cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Mầm non (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình đại học ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Vinh theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Vinh;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non
của Trường Đại học Vinh**

(Kèm theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		4,00	3	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	4			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		4,20	5	100
Tiêu chí 5.1	5			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	4			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,14	7	100
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 9		3,80	4	80
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	5			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	4	80
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	3			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
4,04	47	94



Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non
của Trường Đại học Vinh

(Kèm theo Nghị quyết số 178/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/11/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non (GDMN) của Trường Đại học Vinh, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng theo khung năng lực CDIO với cấu trúc logic, gắn kết chặt chẽ với sứ mạng “đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao” và triết lý giáo dục “Hợp tác - Sáng tạo”, đồng thời phù hợp với Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030 và tuân thủ đầy đủ Luật Giáo dục đại học cũng như Khung trình độ quốc gia Bậc 6. Chuẩn đầu ra được xác định minh bạch và có hệ thống thông qua quy trình phát triển chương trình bài bản, áp dụng hệ thống mã hóa chuẩn đầu ra CTĐT nhất quán và tích hợp khung năng lực CDIO quốc tế, nêu cụ thể và đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, đồng thời bám sát Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non và tích hợp các năng lực hiện đại như công nghệ số, sáng tạo và nghiên cứu khoa học. Chuẩn đầu ra phản ánh đầy đủ yêu cầu của các bên liên quan, được rà soát và cập nhật định kỳ theo hướng nâng cao yêu cầu năng lực và tiệm cận chuẩn mực quốc tế, đồng thời được công bố công khai trên nhiều kênh đảm bảo tính minh bạch và khả năng tiếp cận cho tất cả các bên liên quan.

2. Bản mô tả CTĐT được xây dựng công phu, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của Bộ GDĐT và quy trình nội bộ của Trường, thể hiện rõ nội dung cốt lõi, đặc biệt nổi bật ở ma trận phân nhiệm giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình. Các đề cương học phần được thiết kế chi tiết, cập nhật thường xuyên và gắn kết chặt chẽ với CTĐT thông qua ma trận liên kết chuẩn đầu ra CTĐT-chuẩn đầu ra học phần; việc rà soát, điều chỉnh đề cương học phần được thực hiện định kỳ dựa trên quy trình cải tiến chất lượng có hệ thống với minh chứng cụ thể từ các văn bản và phiên bản CTĐT qua các năm. CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Chương trình dạy học được xây dựng đáp ứng chuẩn đầu ra. Các học phần trong chương trình dạy học thể hiện sự tương thích về nội dung, cân đối về cấu trúc và thể hiện được sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra. Mỗi học phần đều đề cập đến phương pháp dạy học, phương pháp, hình thức, trọng số về kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Chương trình được rà soát, cập nhật định kỳ, có tham khảo và đối sánh với các chương trình tiên tiến trong và ngoài nước, qua đó bổ sung nhiều nội dung và phương pháp hiện đại, đảm bảo chương trình luôn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu hướng đào tạo giáo viên mầm non hiện đại.

4. Triết lý giáo dục được công bố chính thức trong các văn bản chiến lược có giá trị pháp lý cao, được truyền thông rộng rãi tới giảng viên, người học và các bên liên quan, đồng thời được cụ thể hóa trong toàn bộ quá trình thiết kế, tổ chức và đánh giá chương trình. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra, vận dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực, thể hiện rõ trong 100% đề cương học phần. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH.

5. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, được xây dựng, ban hành, được công bố công khai trên website của Trường/Khoa và được giảng viên phổ biến trực tiếp cho người học trong thời gian học tập. Hoạt động đánh giá được triển khai đa dạng; đồng thời sử dụng hệ thống rubric chi tiết và ngân hàng câu hỏi mã hóa theo chuẩn đầu ra, bảo đảm độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng trong đánh giá. kết quả học tập được phản hồi kịp thời, không chỉ thông qua điểm số mà còn qua rubric cụ thể, giúp sinh viên nhận diện điểm mạnh, điểm yếu để cải thiện việc học một cách hiệu quả. Ngoài ra, cơ chế phúc khảo và khiếu nại được quy định rõ ràng, minh bạch, công bố công khai và vận hành hiệu quả, giúp người học dễ dàng tiếp cận và được bảo đảm quyền lợi. Hệ thống này thể hiện một quy trình đánh giá khép kín, minh bạch, khoa học và hướng đến phát triển năng lực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Nhà trường được quy hoạch và phát triển đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Số giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 51,2%. Khối lượng công việc đối với giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo hệ số lương và được giám định mức giờ chuẩn đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo kiêm công tác quản lý. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các tiêu chí cụ thể. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực của giảng viên được thực hiện theo nhu cầu của Khoa, theo kế hoạch hằng năm của Nhà trường, kết quả trong chu kỳ đánh giá, 100% giảng viên của CTĐT ngành GDMN được cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Trường có chiến lược nghiên cứu khoa học, có quy định cụ thể về loại hình, định mức nghiên cứu khoa học của giảng viên, có phần mềm kê khai khối lượng công việc để quản lý giờ nghiên cứu khoa học do phòng Tổ chức Cán bộ quản lý và cá nhân giảng viên có thể tự cập nhật thông tin theo tháng. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên thực hiện CTĐT ngành GDMN trình độ đại học thực hiện được 01 đề tài cấp Nhà nước; 06 đề tài cấp Bộ/Tỉnh, 25 đề tài khoa học cấp Trường, đã công bố được 40 bài trên tạp chí WoS/Scopus, 18 bài trên tạp chí quốc tế khác; 90 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước, 17 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước, 06 giáo trình, 17 sách chuyên khảo và 15 sách tham khảo/tài liệu hướng dẫn. Chỉ số công bố khoa học đạt mức

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được định hướng phát triển trong Chiến lược phát triển Trường và Đề án vị trí việc làm được phê duyệt. Đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng. Các quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, được phổ biến tới cán bộ và được công khai bằng nhiều hình thức. Hoạt động đánh giá, xếp hạng chất lượng viên chức, người lao động được quy định cụ thể, được triển khai đánh giá. Hoạt động đào tạo,

bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được quy định. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên hàng năm và triển khai thực hiện đạt kết quả. Hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả công việc thông qua đánh giá hàng tháng, hàng năm, đánh giá xếp hạng viên chức, người lao động thông qua công thông tin cán bộ, đảm bảo sự hài lòng của đội ngũ cán bộ.

8. Chính sách, tiêu chí, phương pháp và quy định tuyển sinh ThS được xác định rõ ràng, đúng quy định, được công bố công khai thông qua đề án và thông báo tuyển sinh hàng năm. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được cập nhật, được rà soát, đánh giá, trên cơ sở phản hồi của Hội đồng tuyển sinh ThS và phòng/Khoa liên quan. Hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được quy định cụ thể, có đơn vị, cá nhân thực hiện. Các hoạt động hỗ trợ rất đa dạng và hỗ trợ tìm nơi thực tập, thực hiện đề tài luận văn. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu cho người học và các bên liên quan.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có trang thiết bị (hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...) và có tỉ lệ diện tích/ người học là 3,1 m²/người học, đáp ứng quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT. Thư viện được thiết kế có không gian mở, yên tĩnh có không gian đọc dành cho cán bộ, giảng viên và cho người học. Thư viện, phòng đọc có nội quy, hướng dẫn. Trường có thư viện số dùng chung, liên kết tài nguyên thông tin với một số trường đại học khác. Hệ thống phòng thực hành được nhà trường đầu tư, trang bị các thiết bị đặc thù đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Các phòng thực hành được bảo trì, nâng cấp định kỳ, đồng thời bố trí cán bộ phụ trách nhằm hỗ trợ tốt cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin bao gồm hệ thống phần cứng, phần mềm, mạng Internet và trang thông tin điện tử phục vụ hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống được sửa chữa, bảo trì và cập nhật. Trường có môi trường xanh, sạch, đẹp; có tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT của Nhà trường được ban hành, rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá; Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học được thực hiện. Giảng viên của Khoa có một số đề tài nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào cải tiến CTĐT cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các các bên liên quan.

11. Nhà trường đã xây dựng được một hệ thống quản lý và theo dõi kết quả người học toàn diện, có tổ chức và hiệu quả. Về cơ chế tổ chức, Nhà trường đã

thiết lập bộ phận chuyên trách với sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các đơn vị chức năng như Phòng Đào tạo, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và Khoa GDMN trong việc thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu về kết quả người học. Hệ thống quy trình và quy định được ban hành đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá. Về thu thập dữ liệu, Nhà trường đã xác lập được các chỉ số đo lường kết quả người học một cách cụ thể và đa dạng, bao gồm tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học, cùng với mức độ hài lòng của các bên liên quan. Dữ liệu được thu thập thường xuyên, đầy đủ và có hệ thống qua nhiều năm học, đảm bảo tính liên tục và khả năng so sánh. Đặc biệt, việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều phương pháp và công cụ khác nhau, có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, đảm bảo tính tin cậy và khách quan của dữ liệu. Về công tác giám sát, Nhà trường đã thiết lập quy trình giám sát chặt chẽ với sự tham gia của nhiều đơn vị chức năng, từ khâu đăng ký, theo dõi tiến độ đến đánh giá kết quả, đặc biệt trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hệ thống cảnh báo và hỗ trợ sinh viên được triển khai kịp thời thông qua các biện pháp cụ thể như tư vấn học tập, hỗ trợ hoàn thành luận văn, động viên thi chứng chỉ ngoại ngữ. Về đối sánh, Nhà trường đã thực hiện đối sánh nội bộ giữa các ngành đào tạo và đối sánh theo thời gian qua nhiều năm, cho thấy xu hướng phát triển tích cực của các chỉ số. Về cải tiến chất lượng, kết quả thu thập và phân tích được sử dụng hiệu quả làm cơ sở để xây dựng các kế hoạch cải tiến cụ thể, điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy, cải thiện dịch vụ hỗ trợ sinh viên. Nhà trường đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ đa dạng như tổ chức ngày hội việc làm, ký kết hợp tác với các đơn vị tuyển dụng, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng mềm, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp. Kết quả đạt được cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn đạt trên 90%, thời gian tốt nghiệp trung bình ổn định, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 82%, và mức độ hài lòng của các bên liên quan đạt trên 80%, phản ánh chất lượng đào tạo được đánh giá tích cực.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT để xác định rõ định hướng đào tạo theo quy định hiện hành; mở rộng mục tiêu theo hướng tiếp cận liên ngành và phục vụ cộng đồng bằng cách bổ sung các năng lực về tư vấn khoa học cho phụ huynh, làm việc trong bối cảnh giáo dục phi truyền thống, đồng thời nhấn mạnh rõ ràng năng lực giáo dục hòa nhập và phát triển bền vững để tiệm cận chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu xã hội hiện đại. Chuẩn đầu ra cần cải tiến theo ba hướng: cụ thể hóa triển vọng việc làm đa dạng (chuyên viên phát triển chương trình, chuyên gia thiết kế học liệu, nhà quản lý cơ sở GDMN tư thực, chuyên viên tư vấn sớm); tích hợp

năng lực giáo dục hòa nhập và hợp tác gia đình thành chuẩn đầu ra cốt lõi độc lập để đảm bảo tích hợp hệ thống xuyên suốt; và xây dựng, công khai rubric đánh giá chi tiết cho chuẩn đầu ra phức hợp dưới dạng phụ lục chính thức; mở rộng hoạt động khảo sát và đa dạng hóa mạng lưới các bên liên quan (bao gồm chuỗi trường tư thục, trường quốc tế, tổ chức phát triển chương trình, công ty EdTech), đồng thời tăng cường tính đại diện của mẫu khảo sát với đủ các nhóm đối tượng và phân tích kết quả theo từng nhóm để xác định yêu cầu đặc thù.

2. Rà soát, hiệu đính và hoàn thiện bản mô tả CTĐT 2025 bằng cách loại bỏ ghi chú nội bộ, đồng thời thiết lập quy trình phê duyệt đa tầng có sự xác nhận của Trường Khoa, Trường Trường Sư phạm và Phòng Đảm bảo Chất lượng trước khi ban hành, nhằm đảm bảo tính chính xác, thống nhất và cập nhật; bên cạnh đó, chương trình cần chủ động tích hợp các năng lực tương lai như năng lực số, bình đẳng giới, quyền trẻ em và giáo dục vì phát triển bền vững vào các chuẩn đầu ra; chuẩn hóa và đồng bộ hóa toàn bộ hệ thống đề cương học phần, khắc phục triệt để các lỗi còn tồn tại (thiếu giáo trình, sai mã học phần, trùng lặp hoặc thiếu tài liệu tham khảo có thẩm quyền), đồng thời thiết lập hệ thống kiểm soát chất lượng ba lớp gồm bộ tiêu chí đánh giá đề cương với Rubric chi tiết, quy trình thẩm định nhiều cấp và cơ sở dữ liệu điện tử cảnh báo tự động; cùng với đó, xây dựng chu trình PDCA khép kín với cơ chế phản hồi định kỳ từ sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng để đảm bảo tính cập nhật thực chất của các đề cương; tăng cường tính tương tác và khả năng tiếp cận thông tin bằng việc phát triển các phiên bản tóm tắt CTĐT dưới dạng infographic, brochure hoặc fact sheet, tích hợp biểu mẫu phản hồi trực tuyến, tổ chức webinar hỏi đáp định kỳ, và thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin hai chiều như hộp thư chuyên dụng và hotline, giúp các bên liên quan dễ dàng tra cứu, góp ý và khai thác hiệu quả thông tin về CTĐT.

3. Nghiên cứu và thí điểm các phương pháp đánh giá mang tính hình thành (formative assessment) cùng với việc áp dụng các công cụ như phiếu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và nhật ký học tập phản tư nhằm đo lường và phát triển năng lực tự chủ, trách nhiệm của sinh viên một cách trực tiếp và hiệu quả hơn; xây dựng bản đồ học trình (curriculum map) thể hiện lộ trình phát triển năng lực của sinh viên theo các cấp độ Introduce - Develop - Master, giúp minh bạch mối liên kết giữa các học phần và đảm bảo tính kế thừa, tránh chồng chéo trong quá trình đào tạo; thiết kế và triển khai các dự án học kỳ liên môn để sinh viên vận dụng kiến thức từ nhiều học phần vào giải quyết vấn đề thực tiễn, đồng thời thiết lập cơ chế rà soát định kỳ danh mục tài liệu học tập để bổ sung các nguồn học liệu và bài báo khoa học mới trong vòng 5-10 năm gần đây, đảm bảo chương trình luôn mang tính hiện đại và hội nhập.

4. Xây dựng kế hoạch truyền thông bài bản phổ biến triết Nhà trường cần xây dựng cơ chế chính thức để rà soát và đánh giá định kỳ mức độ nhận thức và vận dụng triết lý giáo dục “Hợp tác - Sáng tạo” trong đội ngũ giảng viên và người học, thông qua khảo sát hoặc phỏng vấn nhóm hằng năm; kết quả này sẽ là căn cứ quan trọng cho việc điều chỉnh, bồi dưỡng và lan tỏa triết lý giáo dục một cách hiệu quả; khuyến khích giảng viên tích hợp các công cụ kiểm tra nhanh như bài trắc nghiệm, bài tập ngắn có chấm điểm tự động trên LMS vào giai đoạn “trước khi đến

lớp”, đồng thời thiết lập cơ chế ràng buộc để sinh viên hoàn thành các hoạt động tự học, qua đó nâng cao hiệu quả và tính tương tác của hoạt động học tập trên lớp; áp dụng các bộ tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm rõ ràng và đa dạng hóa hình thức đánh giá như đánh giá đồng đẳng (peer assessment), kết hợp với việc Nhà trường tổ chức các khóa bồi dưỡng và giám sát việc ứng dụng công nghệ dạy học số góp phần nâng cao năng lực sử dụng LMS của giảng viên, tạo môi trường học tập thống nhất, hiện đại và thúc đẩy khả năng tự học suốt đời của sinh viên.

5. Tổ chức các đợt tập huấn chuyên sâu, thường xuyên cho giảng viên về kỹ thuật thiết kế rubrics và phương pháp đánh giá hình thành, nhằm đảm bảo việc đánh giá được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra; biên soạn các tài liệu hướng dẫn ngắn gọn, dễ hiểu dưới dạng sổ tay hoặc infographic, giải thích rõ quy chế đánh giá, cách tính điểm và ý nghĩa điểm năng lực để sinh viên dễ dàng tiếp cận, đảm bảo tính công khai và minh bạch; tổ chức các workshop định kỳ về kỹ thuật xây dựng rubric, phương pháp quan sát và đánh giá kỹ năng thực hành để đảm bảo sự đa dạng, giá trị và công bằng trong đánh giá; hướng dẫn giảng viên cung cấp nhận xét mang tính xây dựng, khuyến khích việc trả bài và phản hồi giữa kỳ giúp sinh viên kịp thời điều chỉnh phương pháp học tập, đồng thời tổ chức các buổi hướng dẫn giúp sinh viên hiểu cách đọc và sử dụng kết quả đánh giá để cải thiện năng lực; tích hợp quy trình khiếu nại về kết quả học tập vào phần mềm tra cứu điểm cá nhân, giúp sinh viên dễ dàng gửi và theo dõi phản hồi, qua đó tăng tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong quản lý đánh giá kết quả học tập.

6. Xây dựng dự báo đội ngũ giảng viên theo từng ngành đào tạo trong Chiến lược phát triển Trường làm căn cứ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm giảng viên có học hàm GS/PGS; bổ sung quy định về phục vụ cộng đồng vào chế độ làm việc đối với giảng viên cho rõ hơn; xây dựng chính sách thu hút giảng viên có trình độ cao, đảm bảo thuận lợi trong việc tuyển dụng; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực (KPIs) trên cơ sở có văn bản quy định việc đánh giá năng lực cho giảng viên; phát triển và hoàn chỉnh phần mềm tổng thể quản lý cơ sở dữ liệu cho giảng viên bao gồm cả kế hoạch cá nhân về đào tạo, bồi dưỡng, theo dõi, giám sát đầy đủ việc thực hiện công việc của giảng viên.

7. Cụ thể hoá về định hướng và định lượng trong quy hoạch đội ngũ nhân viên theo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn cùng các dự báo nhu cầu trong dài hạn ngoài việc thực hiện hàng năm như hiện tại; cần thiết lập công cụ và quy trình phân tích (dựa trên số liệu thống kê, dự báo xu hướng đào tạo, quy mô sinh viên) để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường; rà soát, đánh giá vị trí việc làm trong đề án dựa trên quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng làm căn cứ điều chỉnh số lượng nhân viên trong các bộ phận cho phù hợp và phù hợp với chiến lược phát triển đội ngũ theo từng giai đoạn; cần định kỳ rà soát và cập nhật khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển; bổ sung các tiêu chí liên quan đến năng lực số, khả năng ứng dụng công nghệ và thích ứng với đổi mới trong môi trường làm việc hiện đại vào tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự; sớm ban hành quy định đánh giá khung năng lực (KPIs) các vị trí chuyên viên đặc thù với các tiêu

chí cụ thể; cần xây dựng công cụ hỗ trợ chuyên nghiệp hơn trong việc đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên và người lao động trên cơ sở xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn trên cơ sở năng lực cần có của từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đáp ứng với mục tiêu chiến lược và sứ mạng của Nhà trường; tổ chức lấy ý kiến giảng viên đánh giá chất lượng công tác của đội ngũ chuyên viên, nhân viên làm kênh tham khảo để đánh giá chất lượng đội ngũ chuyên viên, nhân viên; rà soát lại công cụ khảo sát, cần có câu hỏi thể hiện tính đặc trưng theo vị trí việc làm cũng như sự hài lòng về kết quả thi đua khen thưởng để thu nhận được ý kiến phản hồi nhằm cải tiến công tác thi đua khen thưởng và hoạt động đánh giá năng lực theo bộ chỉ số KPIs.

8. Thường xuyên có các hoạt động khảo sát thu thập thông tin đa dạng các nguồn khác nhau; phân tích/dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động của ngành đào tạo để có chính sách, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp; nên tiến hành so sánh, phân tích chất lượng học tập của người học theo các phương thức tuyển sinh để có cơ sở đánh giá khoa học điểm phù hợp/chưa phù hợp giữa các phương thức, tổ hợp môn xét tuyển từ đó lựa chọn đưa ra được tiêu chí tuyển sinh phù hợp với đặc thù đào tạo của ngành để ổn định số lượng tuyển sinh hằng năm; cần định kỳ tổng kết, báo cáo đánh giá hiệu quả các hoạt động: tư vấn học tập, ngoại khóa, tìm kiếm việc làm; cần có nhiều trải nghiệm hơn tại các cơ sở như tại các bệnh viện, trường học, trung tâm Giáo dục... để cùng chia sẻ, kết nối; cần khảo sát đa dạng các bên liên quan, nội dung cụ thể hơn về hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm; môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường.

9. Rà soát, bố trí đủ diện tích làm việc cho cán bộ, giảng viên theo tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng 10m²/giảng viên quy định tại Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT; chỗ làm việc riêng biệt cho $\geq 70\%$ giảng viên quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; có kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến giảng viên về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất; rà soát, có kế hoạch bổ sung, cập nhật nguồn học liệu phục vụ học tập và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học và Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT quy định biên soạn, lựa chọn thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học; đầu tư mới/nâng cấp/cải tạo thiết bị phòng đọc, phòng kho để nâng cao hiệu quả khai thác thư viện; cần mở rộng đối tượng khảo sát về cơ đến giảng viên và các bên liên quan khác; phân tích, bóc tách số liệu theo từng ngành đào tạo để xác định đúng trọng tâm cần ưu tiên đầu tư, cải tiến; nghiên cứu đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp, tích hợp các phần mềm thành một hệ thống quản lý thống nhất; sớm phê duyệt và triển khai Đề án Chuyển đổi số; đa dạng đối tượng lấy ý kiến về hệ thống công nghệ thông tin như cán bộ, giảng viên, nhân viên có được những ý kiến đánh giá toàn diện, đa chiều; xây dựng quy định các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn có quan tâm đến người khuyết tật; cải tạo, nâng cấp khu vực

nhà vệ sinh ở các tòa nhà giảng đường; đầu tư/cải tạo/nâng cấp cơ sở vật chất, cần lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật.

10. Khảo sát các bên liên quan ngoài trường nên thu thập thêm thông tin về nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm phù hợp với trình độ đào tạo làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CTĐT, chương trình dạy học; khi rà soát, điều chỉnh CTĐT nên tham khảo ý kiến các chuyên gia cùng chuyên ngành ở các trường khác, các chuyên gia về quản lý giáo dục, về đảm bảo chất lượng ... có kinh nghiệm về xây dựng CTĐT để góp ý; lấy ý kiến giảng viên đánh giá về cơ sở vật chất và các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ của Trường làm cơ sở để cải tiến; lấy ý kiến người học đánh giá từng học phần làm cơ sở để cải tiến đề cương học phần; triển khai hoạt động rà soát đánh giá quy trình thiết kế, phát triển chương trình dạy học đồng bộ với hoạt động rà soát CTĐT và cần lưu giữ minh chứng cụ thể; cần có chính sách hỗ trợ, động viên đội ngũ giảng viên có nhiều công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu về chuyên môn hơn nữa; cần có kế hoạch cải tiến tổng thể sau hoạt động khảo sát các bên liên quan và có giám sát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cải tiến.

11. Mở rộng đối sánh với các trường khác để trao đổi thông tin về các chỉ số kết quả người học như tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp, tỷ lệ việc làm, chất lượng việc làm và hoạt động nghiên cứu khoa học; tham khảo các báo cáo nghề nghiệp của các tổ chức quốc tế, các báo cáo khảo sát của các tổ chức kiểm định quốc tế để có chuẩn mực so sánh rộng hơn và cao hơn; ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp phân tích hiện đại, cần triển khai các phần mềm phân tích dữ liệu chuyên dụng để theo dõi tiến độ học tập của từng sinh viên một cách chi tiết; xây dựng hệ thống cảnh báo tự động dựa trên các chỉ số như kết quả học tập, tình trạng nợ học phần, tiến độ hoàn thành luận văn; xây dựng mô hình dự báo khả năng tốt nghiệp đúng hạn, khả năng có việc làm dựa trên các yếu tố như kết quả học tập các học kỳ đầu, tình trạng hoàn thành các điều kiện đầu ra; phát triển hệ thống dự báo và theo dõi dài hạn, xây dựng báo cáo thường niên về xu hướng phát triển ngành GDMN tại Việt Nam và nhu cầu nhân lực trong tương lai; phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, hiệp hội nghề nghiệp để dự báo nhu cầu thị trường lao động; xây dựng chương trình theo dõi sự nghiệp của cựu sinh viên trong 3-5 năm sau tốt nghiệp; tổ chức các buổi gặp mặt định kỳ để thu thập phản hồi về chất lượng đào tạo và sự phát triển nghề nghiệp; sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh nội dung CTĐT cho phù hợp với yêu cầu thực tế; xây dựng các chương trình khuyến khích và hỗ trợ tài chính hấp dẫn hơn cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; tổ chức các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm từ sinh viên đã tham gia nghiên cứu khoa học thành công; tích hợp hoạt động nghiên cứu khoa học vào các học phần chuyên ngành; phát triển các hình thức nghiên cứu khoa học mới như nghiên cứu liên ngành, nghiên cứu ứng dụng gắn với các cơ sở GDMN; thiết lập các chỉ số KPI cụ thể cho các chỉ số kết quả người học và theo dõi đánh giá một cách thường xuyên; xây dựng ma trận hành động cụ thể từ kết quả khảo sát với mục tiêu - giải pháp - đơn vị phụ trách - thời hạn - chỉ số đánh giá; mở rộng hợp tác với các bên liên quan, cần mở rộng mạng lưới đối tác với các cơ sở GDMN công lập và tư thục, các tổ chức giáo dục; thiết lập các chương trình thực tập có

chất lượng cao; phát triển các khóa học ngắn hạn theo nhu cầu cụ thể của nhà tuyển dụng trong lĩnh vực GDMN; tăng cường đối thoại với các bên liên quan để kịp thời điều chỉnh và cải tiến chất lượng đào tạo; đa dạng hóa phương pháp thu thập thông tin, thực hiện khảo sát dài hạn để đánh giá tác động của các biện pháp cải tiến và sự đáp ứng của mục tiêu CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.